

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày 05-02-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Cao Sơn

Bà Hoàng Thị Nha

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2017/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1993. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Anh Phùng Văn T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày: Chị và anh Phùng Văn T chung sống vợ chồng cùng nhau năm 2011, đến ngày 26/11/2013 thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2013 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, lối sống, tính cách khác biệt nhau, anh Phùng Văn T không có trách nhiệm với vợ con,

hay chơi cờ bạc nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Gia đình đã giúp đỡ hàn gắn nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện. Từ đầu năm 2014 đến nay chị sống ly thân với anh Phùng Văn T, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn T. Khi ly hôn chị nhất trí để con chung là cháu Phùng Ngọc H; sinh ngày 08/5/2012 cho anh Phùng Văn T nuôi dưỡng, mỗi tháng chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng từ 01/3/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi và không phải chịu lãi suất chậm thi hành án. Do không có điều kiện về kinh tế nên chị không chấp nhận việc cấp dưỡng nuôi con một lần, 02 lần hoặc 03 lần như yêu cầu của anh Phùng Văn T đưa ra. Trong quá trình chung sống chị và anh Phùng Văn T không có tài sản chung, không có nợ ai.

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Phùng Văn T trình bày: Những gì chị Hà Thị T trình bày về thời gian kết hôn, thời gian ly thân là đúng sự thật. Nguyên nhân mâu thuẫn mặc dù có do quan điểm lối sống khác biệt nhau, anh có hay đánh bạc (chơi tổ tôm) nhưng không tiêu tốn tài sản, việc anh nhiều lần đánh chị Hà Thị T không phải từ nguyên nhân đó. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị Hà Thị T. Tuy nhiên, nếu chị Hà Thị T thực hiện ngay việc cấp dưỡng nuôi con chung cháu Phùng Ngọc H, sinh ngày 08/5/2012 mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/3/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng phải thực hiện ngay một lần, hai lần hoặc ba lần với tổng số tiền trên 140.000.000 đồng thì anh cũng đồng ý ly hôn. Theo phán quyết của Tòa án việc cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng; một lần, hai lần hay ba lần anh cũng không yêu cầu chị Hà Thị T phải chịu lãi suất chậm thi hành án. Đồng thời anh Phùng Văn T cũng xác nhận trong quá trình chung sống anh và chị Hà Thị T không có tài sản chung, không có nợ ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa thấy: Về quan hệ hôn nhân: Xác định vợ chồng chị Hà Thị T và anh Phùng Văn T có mâu thuẫn trầm trọng, hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, không còn sự quan tâm đến nhau. Như vậy yêu cầu của chị Hà Thị T xin được ly hôn với anh Phùng Văn T là có căn cứ. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phùng Ngọc H; sinh

ngày 08/5/2012. Khi ly hôn hai bên nhất trí anh Phùng Văn T được quyền trực tiếp nuôi con, chị Hà Thị T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của chị Hà Thị T thấy yêu cầu đòi cấp dưỡng nuôi con dứt điểm nhiều nhất chia làm 03 lần mà anh Phùng Văn T đưa ra là không có căn cứ để chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Hà Thị T và anh Phùng Văn T chung sống vợ chồng cùng nhau từ năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau, có cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng đến ngày 26-11-2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của Hà Thị T và anh Phùng Văn T là hợp pháp.

[2] Sau khi về chung sống một thời gian hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả hai đều thừa nhận là do quan điểm, tính cách lối sống có nhiều khác biệt nhau, anh Phùng Văn T hay chơi cờ bạc (đánh tổ tôm). Như chúng ta đều biết việc đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào là một hình thức sát phạt nhau bằng tiền, việc làm này là vi phạm pháp luật và là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc phát sinh các tệ nạn xã hội và gây nên những hậu quả nghiêm trọng khác. Chính vì vậy, vợ chồng chị Hà Thị T và anh Phùng Văn T thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, thậm chí đánh đập nhau. Dù gia đình cũng đã giúp đỡ hàn gắn nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện, từ năm 2014 đến nay chị Hà Thị T đã không chung sống cùng anh Phùng Văn T, hai bên không còn sự quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Chị Hà Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn T. Yêu cầu của chị Hà Thị T đưa ra không được anh Phùng Văn T chấp nhận.

[3] Bản thân anh Phùng Văn T cũng thừa nhận những mâu thuẫn của hai vợ chồng; giữa hai người khi còn chung sống thường xuyên xảy ra cãi cọ, thậm chí đánh đập nhau, hai bên không còn yêu thương, quý trọng nhau. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị vẫn không hề được cải thiện, từ năm 2014 đến nay hai người không sống cùng nhau, vẫn đang ly thân nhau. Bản thân anh Phùng Văn T đưa ra yêu cầu đoàn tụ, nhưng anh không đưa ra được phương án khả thi nào nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng trong suốt thời gian qua. Mặt khác, chính anh Phùng Văn T khẳng định nếu chị Hà Thị T thực hiện ngay việc cấp dưỡng nuôi con chung một lần, hai lần hoặc ba lần với tổng số tiền trên 140.000.000 đồng thì anh sẽ nhất trí ly hôn ngay với chị Hà Thị T. Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của ông Phùng Văn L và bà Phùng Thị H (là bố mẹ đẻ của anh Phùng Văn T) qua đó xác định càng rõ tình trạng hôn nhân trầm trọng của anh Phùng Văn T và chị Hà Thị T. Như vậy, yêu cầu đoàn tụ của anh Phùng Văn T là không thực tế, mục đích là nhằm kéo dài hôn cuộc hôn nhân gây đau khổ cho cả hai. Tòa án thấy giữa chị Hà Thị T và anh Phùng Văn T không còn thương yêu, giúp đỡ nhau, quan hệ

tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu được ly hôn với anh Phùng Văn T của chị Hà Thị T là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Trong quá trình chung sống chị Hà Thị T và anh Phùng Văn T có một người con chung là cháu Phùng Ngọc H, sinh ngày 08/5/2012. Trong trường hợp ly hôn cả chị Hà Thị T và anh Phùng Văn T đều thống nhất con chung sẽ do anh Phùng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, mỗi tháng chị Hà Thị T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/3/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên anh Phùng Văn T yêu cầu chị Hà Thị T phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con một lần, hai lần hoặc ba lần với tổng số tiền trên 140.000.000 đồng; còn chị Hà Thị T chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng. Xét thấy, cháu Phùng Ngọc H từ năm 2014 đến nay vẫn đang sinh sống cùng với anh Phùng Văn T. Bản thân chị Hà Thị T không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản, đang sinh sống cùng gia đình bên ngoại. Bản thân anh Phùng Văn T là người có sức khỏe, có thu nhập từ việc làm thuê hàng tháng (cửu vạn, bốc vác hàng hóa ở Cửa khẩu M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn) mỗi tháng được khoảng 5.000.000 đồng. Nên việc anh Phùng Văn T yêu cầu chị Hà Thị T thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con một lần, hai lần hoặc ba lần với tổng số tiền trên 140.000.000 đồng là không phù hợp, vượt quá khả năng kinh tế của chị Hà Thị T nên Tòa án không chấp nhận. Do anh Phùng Văn T không yêu cầu nên chị Hà Thị T không phải chịu lãi suất chậm thi hành án. Mặc dù chị Hà Thị T không trực tiếp nuôi con nhưng chị vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Trong quá trình chung sống chị Hà Thị T và anh Phùng Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[6] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Hà Thị T phải chịu 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm gồm 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngày 13 tháng 12 năm 2017, chị Hà Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/01155 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ chị Hà Thị T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Phùng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phùng Ngọc H; sinh ngày 08 tháng 5 năm 2012 cho anh Phùng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Hà Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phùng Ngọc H mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 03 năm 2018 cho đến khi cháu Phùng Ngọc H đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị T không phải chịu lãi suất chậm thi hành án do anh Phùng Văn T không yêu cầu.

Chị Hà Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm gồm 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngày 13 tháng 12 năm 2017, chị Hà Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/01155 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ chị Hà Thị T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự
- UBND xã T;
-
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa